**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa: Ngoại ngữ

Bộ môn: Thực hành tiếng

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần:

* Tiếng Việt:**NGHE 3**
* Tiếng Anh: **LISTENING 3**

Mã học phần: FLS382 Số tín chỉ: 2 (30 – 0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: **Nghe 2**

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: Ngô Quỳnh Hoa Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: 0983791306 Email: ngoquynhhoantu@gmail.com

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM, thứ 2 hàng tuần

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ

Điện thoại: Email: trangttt@ntu.edu.vn

Địa điểm, lịch tiếp SV: VP BM, thứ hai hàng tuần.

**3. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho người học phương pháp nghe theo các chủ đề: giáo dục, phương tiện truyền thông, sức khỏe và văn hoá. Ngoài ra, người học được rèn luyện các kỹ thuật nghe hiểu bài giảng, độc thoại, hội thoại, đoạn phỏng vấn dài theo các chủ đề trên và phương pháp làm bài kiểm tra quốc tế. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể nghe hiểu đạt cấp độ B1+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

**4. Mục tiêu:**

Giúp người học có đủ kiến thức (từ vựng, cấu trúc, v.v...) và kỹ năng cần thiết để nghe hiểu các bài nói thuộc chuyên ngành hoặc lĩnh vực quan tâm hay yêu thích.

Giúp người học phát triển những kỹ năng nghe như nghe hiểu được ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết của các bài nói được trình bày rõ ràng với những cấu trúc quen thuộc.

Giúp người học vận dụng các kiến thức, kỹ năng trên để nghe hiểu đạt cấp độ B1+ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

**5. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):** Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

Kiến thức:

1. Có được vốn từ vựng tương đối rộng về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống như giáo dục, phương tiện truyền thông, sức khỏe và văn hóa.
2. Phân biệt được các kỹ thuật nghe hiểu như nghe hiểu ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết của bài giảng, độc thoại, hội thoại, đoạn phỏng vấn dài.

Kỹ năng

1. Có khả năng nghe hiểu được ý chính, nghe lấy thông tin chi tiết của các bài giảng, độc thoại, hội thoại, đoạn phỏng vấn dài **được trình bày rõ ràng với những cấu trúc quen thuộc**.
2. Vận dụng một số kỹ năng làm các dạng bài tập (trắc nghiệm khách quan chọn đáp án đúng, điền từ, xác định thông tin đúng, sai theo bài nghe, v.v) để làm các dạng bài kiểm tra quốc tế PET (phần 4) và FCE (phần 1,2).
3. Thành thạo với kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo cặp/nhóm.

Thái độ

1. Tích cực tham gia vào các hoạt động trong giờ học, có tinh thần hợp tác làm việc theo cặp/nhóm

**6. Kế hoạch dạy học:**

**6.1 Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* | *Phương phápdạy – học* | *Chuẩn bị của người học* |
| 11.11.21.3 | **Giới thiệu học phần Nghe 3 và phương pháp học**Nội dung học phần nghe 3Sơ lược các dạng bài nghe và các đặc điểm văn nói tiếng Anh trong các bài phỏng vấn, diễn thuyếtPhương pháp học nghe các bài phỏng vấn, diễn thuyết |  | 2 | Diễn giảng | Không |
| 22.12.22.3 | **Giáo dục** Ngày tựu trườngGiáo dục đại học: sự lựa chọn các chuyên ngànhĐời sống sinh viên: đồng phục, các hoạt động tự học | a,b,c,d,e,f,g | 7 | Diễn giảng, thảo luận cá cặp, nhóm, role-play | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 33.13.23.3 | **Phương tiện truyền thông**Các phương tiện truyền thông Sách và TVCác tình huống sự kiện xã hội thông qua các mẫu tin | a,b,c,d,e,f,g | 7 | Diễn giảng, thảo luận cá cặp, nhóm, role-play | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 44.14.24.34.4 | **Sức khoẻ**Sức khỏe và các loại bệnh thường gặpChế độ ăn uống Các loại hình thể thao Phương pháp sống khoẻ mạnh | a,b,c,d,e,f,g | 7 | Diễn giảng, thảo luận cá cặp, nhóm, role-play | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |
| 55.15.2 | **Văn hoá**Phong tục văn hóa các nước trên thế giớiGiao thoa văn hóa và sốc văn hóa | a,b,c,d,e,f,g | 7 | Diễn giảng, thảo luận cá cặp, nhóm, role-play | làm bài tập theo hướng dẫn của GV |

**7. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích* *sử dụng* |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Jack C Richards | Tactics for Listening 3 | 2004 | Oxford University Press | Thư viện | x |  |
| 2 | David Nunan | Listen In 3 | 2003 | Heinle & Heinle Publishers | Thư viện | x |  |
| 3 | John Naunton & John Hughes | Spotlight on FCE | 2009 | Heinle Cengage Learning | Internet (http://ebooktienganh.com) | x |  |
| 4 |  | PET English Test | 2004 | CambridgePress | Thư viênk | x |  |
| 5 | Helen Solórzano & Laurie Frazier | Comtemporary Topics 1 | 2009 | Pearson Education, Inc. | Thư viện |  | x |
| 6 |  | CNN Student News |  |  | Internet |  | x |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- SV có đầy đủ tài liệu và công cụ học tập cần thiết.

- SV tham dự đầy đủ các buổi học và từng cá nhân phải tích cực thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình lên lớp.

- SV làm bài tập ở nhà theo nhóm và cá nhân.

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 7 | Viết | Giáo dục | a,b,c,d,e,f,g |
| 2 | 13 | Viết | Phương tiện truyền thông | a,b,c,d,e,f,g |
| 3 | 19 | Viết | Sức khoẻ | a,b,c,d,e,f,g |
| 4 | 25 | Viết | Văn hoá | a,b,c,d,e,f,g |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Điểm các lần kiểm tra giữa kỳ | a,b,c,d,e, | 20 |
| 2 | Điểm làm việc nhóm | a,b,c,d,e,f | 20 |
| 3 | Chuyên cần/thái độ | g | 10 |
| 4 | Thi kết thúc học phần  | a,b,c,d,e | 50 |

 **TRƯỞNG BỘ MÔN CÁC GIẢNG VIÊN**

 ***TS.Trần Thị Minh Khánh Ths. Ngô Quỳnh Hoa***

***Ths. Trần Thị Thu Trang***